

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2025

"Về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quang Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đăng Đông, ông Lương Đình Liên,

- **Thư ký phiên toà:** Ông Lê Văn Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị T** - sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn An Đông, xã Thái Hòa, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Thôn Quang Tiền, xã Thái Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Căn cước công dân số: 030193020455.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn Đ** - sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Căn cước công dân số: 030088000237.

Người tham gia tố tụng khác: Bà C, bà H là những người làm chứng.

(Nguyên đơn chị T có mặt, bị đơn anh Đ vắng mặt, bà C, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 19/11/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ chơi bời, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, thời gian đó chị đang mang thai cháu K nên chị bỏ qua để anh Đ có cơ hội sửa sai nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Tháng 9/2023 chị đã đưa 02 con về nhà đẻ ở được 01 tháng thì anh Đ và gia đình nhà chồng đến nói

chuyện với bố mẹ chị sau đó anh Đ đã viết cam kết, mẹ chồng chị là bà H cùng ký vào bản cam kết, vì con nên chị cho anh Đ cơ hội lần nữa để sửa sai. Trong quá trình chung sống anh Đ vẫn tiếp tục chơi bời và thiếu trách nhiệm với vợ con. Mâu thuẫn đỉnh điểm nhất là tháng 3/2025 anh Đ chơi bời và báo nợ dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, do nhà để chị cách trường học của các con khoảng 7 - 8 km nên chị cố ở lại để tiện đưa đón và dạy học các con. Tuy vợ chồng vẫn chung sống một nhà nhưng không ai nói với ai, mỗi người một phòng việc ai người đó làm. Tháng 4/2025 chị không chung sống cùng anh Đ nữa, chị đã bỏ về nhà để ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Đ không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 01/5/2016 và cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 09/4/2019. Hai cháu hiện đang ở với bố. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi cả hai con chung là cháu K và cháu T1, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị đang làm việc tại công ty TNHH K1, Hải Dương, thu nhập bình quân trên 11 triệu đồng/tháng, chị cam kết đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị đang ở cùng với mẹ đẻ, điều kiện về chỗ ăn, ở đảm bảo cho mẹ con chị, mẹ chị vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho chị nuôi con. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc với Toà án, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị T. Quá trình chung sống, vợ chồng vẫn hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Tại đơn ly hôn chị T trình bày anh sống thiếu trách nhiệm với vợ con, trong suốt quá trình chung sống anh khẳng định lời trình bày của chị T là không đúng vì bản thân anh vẫn rất yêu thương vợ con, vợ chồng không xảy ra cãi vã nhau. Khoảng cuối năm 2023 vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, do chị T bỏ về nhà ngoại ở nên anh có viết giấy cam kết để chị T yên tâm sau đó vợ chồng về chung sống với nhau. Đến tháng 4/2025 chị T đã bỏ về nhà để ở nhưng không thông báo cho anh, gia đình anh và gia đình chị T. Sau khi chị T bỏ về nhà để ở anh đã đến khuyên giải chị T để quay về chung sống cùng anh nhưng chị T không đồng ý. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị T vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn. Nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh đành phải chịu.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 01/5/2016 và cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 09/4/2019. Hai cháu hiện đang ở với anh và ông bà nội. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn và có đủ căn cứ cho ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng cả hai con, anh đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trường hợp mỗi người nuôi một con thì anh cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện tại anh đang làm nghề kinh doanh tự do, cụ thể là công việc chạy quảng cáo trên nền tảng facebook, thu nhập trung bình 15 triệu đồng/tháng. Hiện tại bố con anh đang chung sống tại nhà riêng của vợ chồng xây trên đất của bố mẹ anh. Bố mẹ anh vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho anh trong việc chăm sóc các con khi anh đi làm. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của người thân gia đình chị T, bà Vũ Thị C xác định: Bà là mẹ đẻ của chị Vũ Thị T. Trong quá trình chung sống, chị T và anh Đ chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khi nào thì mâu thuẫn bà không nắm được. Tháng 4/2025 chị T về chung sống cùng với bà nhưng không nói chuyện về việc vợ chồng mâu thuẫn đến khi Tòa án báo gọi thì chị T mới nói chuyện với bà về việc chị T xin ly hôn anh Đ. Sau khi chị T về nhà bà ở anh Đ có đến tìm chị T, anh Đ và chị T sống ly thân từ tháng 4/2025 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh Đ việc ly hôn do anh chị tự quyết định. Chị T, anh Đ 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K và cháu Nguyễn Phương T1, các cháu đang ở với bố, đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án giao cho chị T nuôi một con hoặc hai con, bà sẵn sàng hỗ trợ và tạo điều kiện cho mẹ con chị T chỗ ăn ở và chăm sóc con chị T đi làm. Quá trình chung sống chị T, anh Đ không có công sức đóng góp với bà.

Lời khai của bà Nhữ Thị H xác định: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Đ. Trong thời gian chung sống, anh Đ và chị T có mâu thuẫn cãi vã nhau, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ đầu tháng 5/2025 chị T đã bỏ nhà về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân đến nay. Chị T xin ly hôn anh Đ, bà mong muốn Tòa án tiếp tục hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì do anh chị tự quyết định. Anh Đ, chị T có 02 con chung, các cháu đang ở với bố và ông bà. Nếu chị T cương quyết ly hôn đề nghị Tòa án giao cho anh Đ nuôi dưỡng cháu K, chị T nuôi dưỡng cháu T1, bà vẫn khỏe mạnh và hỗ trợ, tạo điều kiện cho bố con anh Đ. Quá trình chung sống anh Đ, chị T không có công sức đóng góp với vợ chồng bà.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã T ý kiến: Anh Đ, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian chung sống anh Đ, chị T mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được, khi mâu thuẫn anh chị không mời địa phương và các đoàn thể hòa giải. Nay, chị T xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải, nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh Đ, chị T và của hai cháu.

Lời khai của cháu Nguyễn Minh K trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với cả bố và mẹ, cháu không đưa ra lựa chọn ở với bố hay ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm chị xin ly hôn. Về con chung chị đề nghị giao cho chị nuôi dưỡng cả hai con là cháu K và cháu T1, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Những người tiến hành tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt ở một số buổi làm việc không có lý do là thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Đ; Về con chung: Giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1; giao anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác, ghi nhận sự tự nguyện của chị T, anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Vũ Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn; Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị Vũ Thị T nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn Đoàn kết H1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 19/11/2015. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của chị T và lời trình bày của người thân hai bên gia đình, nên có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị T, anh Đ có mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng có cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2025, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị T xác định tình cảm giữa chị và anh Đ không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn anh Đ. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn yêu thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn. Anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của

hai bên và các đoàn thể của thôn xã hoà giải, khi Toà án xét xử anh đều vắng mặt không có lý do. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T, anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T, nên xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T, anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 01/5/2016 và cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 09/4/2019. Ly hôn chị T, anh Đ đều đề nghị Tòa án giao cho nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu K và T1, hai bên đều tự nguyện không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị T, anh Đ thấy rằng: Chị T làm công ty, lương thu nhập bình quân trên 11.000.000 đồng/tháng, mẹ chị cam kết hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con cùng chị, về chỗ ăn ở cũng đảm bảo điều kiện cho mẹ con chị. Đối với anh Đ, anh là lao động tự do nhập bình quân 15 triệu đồng/tháng, bố mẹ anh cam kết hỗ trợ anh trong việc chăm sóc các con, về chỗ ăn ở anh đủ điều kiện đảm bảo để nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Chị T, anh Đ đều có chỗ ở ổn định, đảm bảo nuôi con vì vậy chị T, anh Đ đều có đủ điều kiện để nuôi con. Cháu T1 còn nhỏ, cháu K mong muốn được ở với cả bố và mẹ, cháu không đưa ra lựa chọn ở với bố hay ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Phương T1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Minh K cho anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Văn Đ, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Vũ Thị T khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. *Về con chung*: Xử giao cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 09/4/2019 cho chị Vũ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 01/5/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, vay nợ, công sức*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/24 số: 0002453 ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm ly hôn trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm ly hôn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Giang;
 - VKSND tỉnh Hải Dương;
 - Các đương sự;
 - Chi cục THADS huyện Bình Giang;
 - UBND xã Thái Hòa, huyện Bình Giang;
- (để ghi vào sổ hộ tịch; ĐK số 43/2015 ngày 19/11/2015)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến